

DẠY HỌC CỘNG - TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

• Phan Văn Tấn (*)

TÓM TẮT

Cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100 là một chủ đề kiến thức cơ bản và quan trọng trong Toán 2. Các công thức, kỹ thuật làm tính của chủ đề là cơ sở để thực hiện tất cả các phép cộng, trừ có nhớ với số có nhiều chữ số. Cấu trúc nội dung của từng bài và của chủ đề có những điểm đặc biệt. Việc khai thác đặc điểm cấu trúc nội dung, để tổ chức dạy học cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100 theo hướng tích cực là vấn đề cần được quan tâm đúng mức khi dạy học Toán 2.

1. Đặt vấn đề

Trong thực tiễn cuộc sống, cộng - trừ có nhớ trong phạm vi 100 là kỹ năng toán cơ bản, không thể thiếu của mọi công dân, trong mọi lĩnh vực. Ở bậc tiểu học, các công thức và các kỹ thuật cộng - trừ có nhớ, trong phạm vi 100 là cơ sở cho quá trình thực hiện cộng - trừ có nhớ số tự nhiên có nhiều chữ số, cộng - trừ số thập phân. Với khuôn khổ của một bài báo, chúng tôi nêu khái quát về đặc điểm, cấu trúc nội dung và định hướng tổ chức dạy học của các nội dung trong chủ đề cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100, với hy vọng cung cấp cho những người đang và sẽ dạy học Toán 2 một tài liệu tham khảo bổ ích. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.

2. Nội dung

2.1. Một số đặc điểm của nội dung chủ đề "Cộng trừ có nhớ trong phạm vi 100"

Căn cứ vào sự trình bày của Sách giáo khoa Toán 2 (chương trình sau năm 2000 gọi là Toán 2), một số đặc điểm của chủ đề cộng - trừ có nhớ trong phạm vi 100 được xác định. Với giáo viên dạy học Toán 2, việc nắm được các đặc điểm sẽ là cơ sở cần thiết để chuẩn bị các giải pháp dạy học có hiệu quả.

2.1.1. Cộng - trừ có nhớ trong phạm vi 100, là sự liên kết giữa cộng - trừ có nhớ mà kết quả không quá 20, với cộng - trừ có nhớ mà kết quả vượt quá 20.

Ví dụ: SGK toán 2 mới các trang 15, 16, 17 đã sắp xếp các bài "9 cộng một số $9 + 5$ ", " $29 + 5$ " và " $49 + 25$ " nối tiếp nhau thành một nhóm bài dạy.

Mối liên kết này tạo ra sự hỗ trợ kiến thức giữa các bài dạy.

2.1.2. Trong các phép tính cần dạy, phần "cơ sở lý luận" và "biện pháp nhằm" đã được gắn kết với nhau thông qua mô hình trực quan.

Ví dụ: Trang 15 Toán 2 mới, khi giới thiệu biện pháp nhằm $9 + 5$, thay vì phải trình bày

(*) ThS. Trưởng Phòng TC-CB, Trường Đại học Đồng Tháp

"cơ sở lý luận" nhằm là $9 + 5 = 9 + (1 + 4) = (9 + 1) + 4 = 10 + 4 = 14$, SGK đã sử dụng mô hình trực quan (que tính) để tạo sự gắn kết "lý luận" với "biện pháp nhằm".

Sự gắn kết làm cho người dạy và người học nhận biết nhanh "biện pháp nhằm", đồng thời giảm tính phức tạp không cần thiết trong dạy học phép tính.

2.1.3. Sách giáo khoa Toán 2 mới, về cơ bản giới thiệu đầy đủ các trường hợp, cộng - trừ có nhớ trong phạm vi 100.

Ví dụ: Về cộng có nhớ là cộng hai số, mà một số có chữ số tận cùng lần lượt là 9, 8, 7, 6. Trừ có nhớ, trừ hai số mà chữ số tận cùng số bị trừ lần lượt là 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

Việc đưa ra đầy đủ các trường hợp cộng - trừ có nhớ, tạo cho học sinh nắm được một hệ thống công thức cần thiết, để sử dụng cho quá trình tiếp tục học toán tiểu học.

2.1.4. Các "biện pháp nhằm" đều thu nhận được thông qua mô hình trực quan. Bên cạnh đó, kỹ năng tính viết của cộng - trừ có nhớ cũng được chú trọng.

Ví dụ: Hầu hết các trường hợp cộng - trừ có nhớ mà kết quả vượt quá 20 trong SGK Toán 2 mới ngoài "biện pháp nhằm" đều có yêu cầu rèn luyện kỹ năng tính viết.

Kỹ năng tính viết được quan tâm ở giai đoạn này, tạo điều kiện cho học sinh nhanh chóng hoàn thiện một kỹ năng quan trọng trong việc học toán.

2.1.5. Sự thể hiện của SGK Toán 2 về các bài dạy cộng - trừ có nhớ trong phạm vi 100, đều tuân theo những cấu trúc nhất định.

Cộng có nhớ

+ Kết quả phép cộng không quá 20

Phép tính cần dạy → Mô hình que tính → Mô hình tính viết → Tính giao hoán → Các công thức cần lập → Hệ thống bài tập

+ Kết quả phép cộng vượt quá 20

Phép tính cần dạy → Mô hình que tính → Mô hình tính viết → Biện pháp tính viết → Hệ thống bài tập

+ Phép cộng có tổng bằng 100

Phép tính cần dạy → Mô hình tính viết → Biện pháp tính viết → Phép tính và kết quả → Hệ thống bài tập

Trừ có nhớ

+ Kết quả phép trừ không vượt quá 20

Số bị trừ có chữ số tận cùng 1, 2, 3, 4

Phép tính cần dạy → Mô hình que tính → Mô hình tính viết → Công thức cần lập → Hệ thống bài tập

Các số 15, 16, 17, 18 trừ đi một số

Phép tính cần dạy → Mô hình que tính → Công thức cần lập → Hệ thống bài tập + Kết quả phép trừ vượt quá 20

Số bị trừ có chữ số tận cùng 1, 2, 3

Phép tính cần dạy → Mô hình que tính → Mô hình tính viết → Biện pháp tính viết → Hệ thống bài tập

Số bị trừ có chữ số tận cùng là 4, 5, 6, 7, 8

Phép tính cần dạy → Mô hình tính viết → Biện pháp tính viết → Tìm kết quả các phép tính còn lại → Hệ thống bài tập

+ 100 trừ đi một số

Trường hợp 100 trừ đi số có hai chữ số

Phép tính cần dạy → Mô hình tính viết → Biện pháp tính viết → Phép tính và kết quả → Hệ thống bài tập

Trường hợp 100 trừ đi số có một chữ số (cấu trúc tương tự trường hợp trên)

Nắm được cấu trúc nội dung bài dạy là yếu tố cực kỳ quan trọng, giúp giáo viên xác định đúng các hoạt động cơ bản trong truyền thụ kiến thức.

2.1.6. Căn cứ mục đích của các bài tập, hệ thống bài tập trong từng bài dạy được sắp xếp theo một trật tự tương đối thống nhất.

+ Bài tập củng cố công thức - biện pháp tính viết gồm các dạng: Tính nhẩm-Tính.

+ Bài tập rèn kỹ năng tính viết (đặc tính - biện pháp tính) là: Đặt tính rồi tính.

+ Bài tập rèn kỹ năng vận dụng và các kỹ năng khác gồm các dạng: Tính giá trị biểu thức-Tìm x-Toán có lời văn-Trắc nghiệm.

Nhận thức được tính thống nhất trong trật tự sắp xếp hệ thống bài tập, giáo viên sẽ chủ động trong việc tổ chức cho học sinh luyện tập.

2.2. Định hướng các hoạt động dạy học cộng - trừ có nhớ trong phạm vi 100

Các hoạt động dạy học cơ bản, trong quá trình truyền thụ kiến thức mới cho học sinh là những vấn đề được định hướng dạy học đề cập. Dựa vào cấu trúc nội dung, có thể phân loại các bài dạy cộng-trừ có nhớ, trong phạm vi 100 thành các nhóm. Trong mỗi nhóm, có thể dạy học các bài theo cùng những hoạt động cơ bản.

Các hoạt động dạy học cơ bản được trình bày chủ yếu theo định hướng phối hợp các kiến thức, kỹ năng cộng, trừ không nhớ đã có trong Toán 1 và các giải pháp dạy học tích cực.

2.2.1. Cộng có nhớ

2.2.1.1 Kết quả phép tính không quá 20

Căn cứ vào cấu trúc nội dung, ta nhận thấy Toán 2 đã trình các nội dung bài dạy theo hai cấu trúc chủ yếu: phần kiến thức mới theo cấu trúc quy nạp (tính đến mô hình que tính) xen lẫn cấu trúc suy diễn (tính đến phần hình thành các công thức); phần hệ thống bài tập là cấu trúc suy diễn.

Trong nhóm bài này, kiến thức trọng tâm là biện pháp nhẩm và xây dựng các công thức từ biện pháp nhẩm. Cơ sở của biện pháp nhẩm là đưa phép tính cần dạy về trường hợp 10 cộng với số có 1 chữ số, với "thủ thuật" thích hợp để có kết quả.

Trật tự các hoạt động cơ bản khi truyền thụ kiến thức mới có thể là:

GV giới thiệu phép tính cần dạy - HS sử dụng que tính tìm kết quả - GV và HS hợp tác để tìm ra biện pháp nhằm - GV giúp HS nắm được cách ghi kết quả tính viết - HS tự nhận ra tính giao hoán - GV giúp HS tự xây dựng các công thức - Hướng dẫn HS học thuộc công thức
- Tổ chức HS giải hệ thống bài tập.

Sự hợp tác giữa GV và HS nhằm tìm ra biện pháp nhằm được thể hiện bởi việc học sinh trình bày các phương án tìm kết quả dựa vào que tính, GV điều chỉnh, để có biện pháp tính hợp lý nhất không sử dụng que tính.

Khi học Toán 1, HS đã biết kỹ thuật tính viết trong cộng không nhớ, vì vậy GV chỉ hướng dẫn HS cách ghi kết quả của phép cộng có nhớ.

Giáo viên sẽ lưu ý HS phải sử dụng biện pháp nhằm để tự xây dựng các công thức.

Sau khi dạy các bài " $9 + 5$ ", những bài còn lại trong nhóm, giáo viên có thể hướng dẫn để học sinh tìm biện pháp nhằm, không cần sự hỗ trợ của ĐDDH. Điều này có cơ sở để thực hiện vì khi "tìm ra" biện pháp nhằm của " $9 + 5$ ", biện pháp này đã không còn lệ thuộc ĐDDH.

2.2.1.2. Kết quả phép tính vượt quá 20

Cấu trúc của nội dung được thể hiện: phần kiến thức mới (tính đến nội dung hình thành biện pháp tính) là cấu trúc quy nạp; phần hệ thống bài tập là cấu trúc suy diễn.

Trọng tâm kiến thức của nhóm bài là vận dụng các công thức, trong nhóm 2.2.1.1 để thực hiện được các phép tính, dạng số có 2 chữ số cộng với số có 1 chữ số, hoặc số có 2 chữ số cộng với số có 2 chữ số.

Khi dạy học nhóm bài này, có thể sử dụng các hoạt động cơ bản như sau:

GV giới thiệu phép tính cần dạy - GV giúp HS sử dụng que tính để tìm biện pháp tính hợp lý nhất - GV hướng dẫn để HS nắm kỹ thuật tính viết - HS tự trình bày lại kỹ thuật tính - Tổ chức HS giải hệ thống bài tập.

Có thể lồng ghép việc giới thiệu phép tính và tìm biện pháp tính trong cùng một hoạt động sử dụng que tính. Kết quả một phép tính có thể tìm được bằng nhiều giải pháp. Tuy nhiên, GV cần hướng học sinh kết hợp que tính với các công thức đã biết, để có biện pháp tính hợp lý nhất. Biện pháp này gần "giống" biện pháp tính viết.

Dạy kỹ thuật tính viết, GV cần tác động để học sinh nói đúng biện pháp tính và viết đúng kết quả (phần đặt tính không còn là vấn đề khó đối với học sinh, vì đã học ở Toán 1).

Trong điều kiện cho phép (HS có năng lực nhận thức nhanh), với các bài dạy tương tự, GV có thể cho học sinh thoát ly ĐDDH khi tìm biện pháp tính hợp lý. Phần tính viết có thể cho HS tự thực hiện, GV chỉ can thiệp để có sự chính xác trong kỹ thuật tính.

Kỹ năng tính hợp lý và tính viết phải được chú trọng như nhau. Vì ưu điểm của biện pháp tính hợp lý là tốc độ và trong khi tính viết vẫn phải sử dụng tính hợp lý. Tính viết là kỹ thuật tính có thể khả thi trong nhiều tính toán thông thường.

Giáo viên cần lưu ý sự liên kết của nhóm bài như " $9 + 5$ ", " $29 + 5$ ", " $49 + 25$ ". Các công thức có được trong bài " $9 + 5$ " là cơ sở để hình thành biện pháp tính của các dạng trong bài

" $29 + 5$ ". Biện pháp tính của bài " $29 + 5$ " lại là cơ sở để có biện pháp tính cho các dạng của bài " $49 + 25$ ". Mối liên kết này luôn được thể hiện trong các nhóm bài tương tự. Hiểu được sự liên kết, GV sẽ chủ động tổ chức cho HS tích cực nắm kiến thức.

2.2.2. Trừ có nhớ

2.2.2.1 Kết quả không quá 20 - chữ số tận cùng của số bị trừ là 1, 2, 3, 4

Trọng tâm kiến thức của nhóm bài 2.2.1.1 và 2.2.2.1 là hoàn toàn giống nhau. Cơ sở biện pháp nhằm của 2.2.2.1, đưa phép tính cần dạy về trường hợp 10 trừ đi một số, từ đó xác định nhanh chóng kết quả. Cấu trúc nội dung tương tự như cộng có nhớ mà kết quả không quá 20. Có thể tiến hành các hoạt động cơ bản khi truyền thụ kiến thức của nhóm bài 2.2.2.1 như đối với nhóm 2.2.1.1, vì cấu trúc nội dung của chúng cơ bản giống nhau. Tuy nhiên cần lưu ý không tổ chức hoạt động "HS tự nhận ra tính giao hoán".

2.2.2.2. Kết quả không quá 20 - chữ số tận cùng số bị trừ là 5, 6, 7, 8

Với các dạng phép tính nêu trên, SGK sắp xếp trong một bài dạy, đây là sự khác biệt trong nội dung so với các bài của nhóm 2.2.2.1. Tuy nhiên, phần nội dung vẫn được cấu trúc theo kiểu quy nạp xen lẫn suy diễn với nội dung kiến thức mới và cấu trúc suy diễn cho phần luyện tập. Trọng tâm kiến thức là biện pháp nhằm, vận dụng để xây dựng nhiều nhóm công thức. Chính vì vậy, các hoạt động cơ bản được điều chỉnh theo cấu trúc nội dung. Cụ thể là:

GV giới thiệu một phép tính - HS tìm biện pháp nhằm kết quả phép tính - HS nhằm "tương tự" xây dựng các nhóm công thức - Tổ chức học công thức - Tổ chức luyện tập.

Học sinh tìm biện pháp nhằm có thể dựa vào ĐDDH, hoặc không cần ĐDDH. Học sinh phải nhằm "tương tự", nghĩa là vận dụng "nguyên tắc nhằm" đã có cho trường hợp mới, khác trường hợp đã học.

2.2.2.3. Kết quả quá 20 - chữ số tận cùng số bị trừ là 1, 2, 3

Trong nhóm bài này, số có 2 chữ số trừ đi số có 1 chữ số hoặc 2 chữ số là các dạng phép tính cần truyền thụ. Cấu trúc nội dung của các bài hoàn toàn tương tự với nhóm bài 2.2.1.2. Vì vậy có thể áp dụng các hoạt động cơ bản trong dạy bài mới như đối với 2.2.1.2. Giáo viên cần khai thác mối liên kết của các nhóm 3 bài, mà số bị trừ có tận cùng lần lượt là 1, 2, 3, 4, trong quá trình dạy học. Mối liên hệ này cũng giống như mối liên hệ đã có khi dạy học cộng có nhớ trong 2.2.1.2.

2.2.2.4. Kết quả quá 20 - chữ số tận cùng số bị trừ là 4, 5, 6, 7, 8

SGK Toán 2 trình bày các dạng phép tính đã nêu trong 4 bài dạy. Xét về mục tiêu, có thể xếp 4 bài vào nhóm 2.2.2.3. Hoạt động cơ bản dạy học của nhóm bao gồm:

GV giới thiệu 1 dạng phép tính - HS thực hiện tính viết tìm kết quả - HS sử dụng tính viết tìm kết quả các dạng phép tính khác - Tổ chức giải bài tập.

Trường hợp số bị trừ có tận cùng là 4, phần dạy học bài mới sẽ kết thúc bởi hoạt động "HS thực hiện tính viết tìm kết quả", vì nội dung bài chỉ có một "đơn vị kiến thức". Bài dạy mà tận cùng số bị trừ là 5, 6, 7, 8 có 4 "đơn vị kiến thức". Dạng tính đầu tiên được đề cập là trường hợp có chữ số 5 ở tận cùng số bị trừ, đây được coi là "tình huống mẫu", GV

xử lý như trường hợp có tận cùng là 4. Các dạng tính còn lại, GV hướng dẫn HS tự làm tính theo "tình huống mẫu".

2.2.2.5. Phép cộng có tổng 100 - 100 trừ một số

Các dạng tính này có những điểm đặc biệt, cần lưu ý. Thứ nhất dạng tính có sự tham gia của số có 3 chữ số. Thứ hai khi làm tính, có nhớ 2 lần liên tiếp.

Có sự tương đồng trong cấu trúc nội dung hai dạng tính và tương tự cấu trúc nội dung của cộng, trừ có nhớ mà kết quả vượt quá 20, vì vậy việc dạy học kiến thức mới có thể tiến hành bởi cùng một loạt các hoạt động cơ bản.

GV giới thiệu phép tính - GV hướng dẫn HS làm tính viết tìm kết quả - HS khẳng định kết quả - HS tự thực hành tính một tình huống tương tự - Tổ chức giải bài tập.

Việc hướng dẫn của GV đối với HS khi thực hiện tính viết là cần thiết do đặc điểm của dạng tính. Tuy nhiên GV không làm thay cho HS, HS làm theo gợi ý của GV. Biện pháp tính viết, trong nhóm bài được thể hiện "tường minh" ở một số thao tác là cần thiết ở giai đoạn mới học về dạng tính, khi thành thạo có thể loại bỏ sự "tường minh" đó.

Ví dụ: $100 - 36$, khi làm tính viết do biện pháp tính, nên ở kết quả có ghi 064. Như vậy sự "tường minh" dẫn đến có chữ số 0 trước 64.

Trong những trường hợp như vậy, sự "tường minh" mang tính sư phạm, nó thuận lợi cho học sinh nhận thức. Lúc này, GV phải chấp nhận tính sư phạm đã "lấn át" tính khoa học, vì 064 không phải là cách ghi đúng của số tự nhiên "sáu mươi bốn".

Để tránh "ngộ nhận" do sự "tường minh", HS phải khẳng định kết quả, sau khi đã thực hiện tính viết. Sự khẳng định thể hiện: $100 - 36 = 64$.

Phép tính mà GV giới thiệu sẽ là "mẫu", HS đã học qua "mẫu", vì vậy cần "HS tự thực hành tính một tình huống tương tự". Qua đó, HS nắm được kỹ năng tính tổng hai số bằng 100, hoặc hiệu của 100 với một số.

2.2.3. Định hướng tổ chức luyện tập

Tổ chức luyện tập là một hoạt động, trong đó GV giúp HS tự giải hệ thống bài tập của SGK, theo năng lực cá nhân. Đầu tiên là một số công việc chuẩn bị. GV cần thực hiện phân loại hệ thống bài tập, dựa vào tính mục đích của từng bài. Về cơ bản, các loại bài tập của chủ đề cộng-trừ có nhớ trong phạm vi 100, được đề cập trong 2.1.6. GV phải xác định phương tiện mà HS sử dụng để luyện tập và hình thức tổ chức HS luyện tập.

Hoạt động tổ chức luyện tập, bao hàm trong nó những hoạt động thành phần mà GV và HS cùng chia sẻ thực hiện. Trật tự các hoạt động thành phần có thể là:

HS tự xác định yêu cầu của từng bài tập - GVHD chung các vấn đề thật cần thiết - GV theo dõi, giúp HS tự làm bài - GV và HS hợp tác kiểm tra, đánh giá, sửa sai.

Các hoạt động đã nêu có thể áp dụng khi luyện tập từng bài, hoặc một nhóm bài.

Học sinh xác định yêu cầu của từng bài tập, nhằm nắm vững công việc phải làm. GV có thể "can thiệp" nếu xét thấy cần thiết, trong các vấn đề: giải thích rõ thêm yêu cầu; hướng dẫn bài tập dạng mới; hướng dẫn cách trình bày với phương tiện luyện tập, hình thức luyện tập;...Các bài tập dạng mới, GV chỉ gợi ý những thao tác cơ bản.

Một bài tập hoặc nhóm bài phải được thực hiện trong một thời gian hợp lý. Khi HS làm bài, GV theo dõi chung và giúp đỡ HS theo từng đối tượng nếu HS có yêu cầu, hoặc GV thấy cần thiết.

Hết thời gian làm một bài, hoặc nhóm bài là công việc kiểm tra, nhận xét, sửa sai. GV cần tổ chức để HS có thể tự thực hiện. Nếu có sự bổ sung, mở rộng kiến thức thông qua bài tập, hoặc cần "khái quát" ở mức độ thích hợp, thì sự tham gia của GV ở thời điểm cuối một quy trình luyện tập là hợp lý.

3. Kết luận

Dạy học cộng-trừ có nhớ trong phạm vi 100, một trong những trọng tâm dạy học của Toán 2 cũng như Toán tiểu học. Học sinh sẽ thực sự tích cực, tự giác, chủ động trong lĩnh hội các công thức, kỹ năng, nếu hệ thống các hoạt động cơ bản trong dạy học kiến thức mới được định hướng hợp lý. Sự hợp lý của một định hướng dạy học, trong thực tế chỉ có thể có khi liên kết được các yếu tố: hiểu cấu trúc nội dung, có năng lực và kinh nghiệm sư phạm, nắm được trình độ nhận thức của học sinh...

Các định hướng khi dạy học cộng-trừ có nhớ trong phạm vi 100 đã trình bày, về cơ bản, đều căn cứ vào cấu trúc các nội dung bài học. Như vậy, có thể xem việc xác định cấu trúc nội dung bài học là yếu tố không thể thiếu, khi định hướng các hoạt động cơ bản trong dạy học. Cấu trúc nội dung của việc dạy cộng, trừ có nhớ mà kết quả không quá 20 có nhiều điểm "tương tự" với nội dung dạy học các bảng nhân, chia trong Toán 2, Toán 3. Đây chính là thuận lợi mà giáo viên cần khai thác khi tổ chức dạy học *bảng nhân*, *bảng chia trong Toán 2*, *Toán 3*. Cùng một cấu trúc nội dung, có thể có nhiều hệ thống các hoạt động cơ bản, với mục đích giúp học sinh tích cực học tập. Đây có thể coi là biểu hiện của sự chủ động, sáng tạo của giáo viên trong dạy học Toán 2 nói riêng và dạy học Toán tiểu học nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đề tài NCKH (2003), "*Khả năng thực tế của việc dạy học toán 2 CTTH sau năm 2000*" chủ nhiệm đề tài Phan Văn Tấn, Đồng Tháp.
- [2]. Sách giáo khoa *Toán 2* (2003), Đỗ Đình Hoan, Nguyễn Áng, Đỗ Tiến Đạt, Đào Thái Lai, Đỗ Trung Hiệu, NXBGD
- [3]. *Toán 2 - Sách giáo viên* (2003) Đỗ Đình Hoan, Nguyễn Áng, Đỗ Tiến Đạt, Đào Thái Lai, Đỗ Trung Hiệu, NXBGD
- [4]. Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học hệ CĐSP (1998), *Phương pháp dạy học Toán tập 1*, Đỗ Đình Hoan, Đỗ Trung Hiệu, NXBGD

ABSTRACT

TEACHING ADDITION - SUBTRACTION WITH A MEMORY UP TO 100

"Addition, subtraction with a memory up to 100" is a fundamental topic in the textbook of Mathematics 2. The related formulas and techniques are initially important steps to do all types of adding and subtracting multi-figure numbers. Each lesson content format and that of the topic itself have their own features. It is necessary to take into sufficient consideration the exploring of these content features so as to actively teach addition, subtraction with a memory up to 100 in Mathematics 2.